**BÁO CÁO**

**Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết**

**của HĐND các cấp; kết quả lấy ý kiến Thành viên Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025, trên cơ sở hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025 đã được thẩm định, Chính phủ báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND); kết quả lấy ý kiến Thành viên Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

**I. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI**

**1. Thành lập xã Mường Kim trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Kim, Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Mường Kim | 2285 | 2285 | 100% | 2283 | 99,99% | 2 | 0,01% |
| 2 | Xã Tà Mung | 791 | 766 | 96,84% | 762 | 99,48% | 4 | 0,52% |
| 3 | Xã Tà Hừa | 505 | 437 | 86,53% | 422 | 96,56% | 15 | 3,44% |
| 4 | Xã Pha Mu | 205 | 205 | 100% | 205 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **3786** | **3693** | **97,54%** | **3.672** | **99,43%** | **21** | **0,57%** |
| **2. Thành lập xã Khoen On trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ta Gia, Khoen On** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Khoen On | 728 | 728 | 100% | 723 | 99,31% | 5 | 0,69% |
| 2 | Xã Ta Gia | 1026 | 955 | 93,08% | 953 | 99,79% | 2 | 0,21% |
| **Tổng** | **1754** | **1683** | **95,95%** | **1676** | **99,58%** | **7** | **0,42%** |
| **3.** **Thành lập xã Than Uyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang, thị trấn Than Uyên** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Mường Than | 1996 | 1538 | 77.05% | 1271 | 82.64% | 267 | 17.36% |
| 2 | Xã Hua Nà | 723 | 659 | 91.15% | 659 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | Xã Mường Cang | 1430 | 1392 | 97.34% | 1388 | 99.71% | 4 | 0.29% |
| 4 | Thị trấn Than Uyên | 1753 | 1350 | 76.08% | 1320 | 97.78% | 30 | 2.22% |
| **Tổng** | **5902** | **4939** | **83.68%** | **4638** | **93.91%** | **271** | **5.49%** |
| **4. Thành lập xã Mường Than trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phúc Than, Mường Mít** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Phúc Than | 2264 | 1643 | 72.57% | 1630 | 99.21% | 13 | 0.79% |
| 2 | Xã Mường Mít | 514 | 448 | 87.16% | 445 | 99.33% | 3 | 0.67% |
| **Tổng** | **2778** | **2091** | **75.27%** | **2075** | **99.23%** | **16** | **0.77%** |
| **5. Thành lập xã Pắc Ta trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pắc Ta, Hố Mít** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Pắc Ta | 1437 | 1289 | 89.70% | 1289 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Hố Mít | 746 | 592 | 79.36% | 590 | 99.66% | 2 | 0.34% |
| **Tổng** | **2183** | **1881** | **86.17%** | **1879** | **99.89%** | **2** | **0.11%** |

**6. Thành lập xã Nậm Sỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô
dân số của các xã: Nậm Sỏ, Tà Mít**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Nậm Sỏ | 1641 | 1465 | 89.27% | 1465 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Tà Mít | 300 | 250 | 83.33% | 250 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **1941** | **1715** | **88.36%** | **1715** | **100%** | **0** | **0%** |
| **7. Thành lập xã Tân Uyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cần và thị trấn Tân Uyên** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Thị trấn Tân Uyên | 3597 | 2955 | 82.15% | 2948 | 99.76% | 6 | 0.20% |
| 2 | Xã Trung Đồng | 1589 | 1575 | 99.12% | 1553 | 98.60% | 22 | 1.40% |
| 3 | Xã Thân Thuộc | 934 | 593 | 63.49% | 587 | 98.99% | 2 | 0.34% |
| 4 | Xã Nậm Cần | 511 | 400 | 78.28% | 399 | 99.75% | 1 | 0.25% |
| **Tổng** | **6631** | **5523** | **83.29%** | **5487** | **99.35%** | **31** | **0.56%** |
| **8. Thành lập xã Mường Khoa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Khoa, Phúc Khoa** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Mường Khoa | 1570 | 1345 | 85.67% | 1345 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Phúc Khoa | 1088 | 986 | 90.63% | 949 | 96.25% | 37 | 3.75% |
| **Tổng** | **2658** | **2331** | **87.70%** | **2294** | **98.41%** | **37** | **1.59%** |

**9. Thành lập xã Bản Bo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô
dân số của các xã Bản Bo, Nà Tăm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Bản Bo | 1209 | 1191 | 98.51% | 1191 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Nà Tăm | 729 | 706 | 96.80% | 706 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **1938** | **1897** | **97.88%** | **1897** | **100%** | **0** | **0%** |
| **10. Thành lập xã Bình Lư trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sơn Bình, Bình Lư, thị trấn Tam Đường** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Sơn Bình | 1060 | 901 | 85.00% | 881 | 97.80% | 20 | 2.20% |
| 2 | Xã Bình Lư | 1200 | 1155 | 96.25% | 1154 | 99.90% | 1 | 0.10% |
| 3 | Thị trấn Tam Đường | 1801 | 1721 | 95.56% | 1719 | 99.90% | 2 | 0.10% |
| **Tổng** | **4061** | **3777** | **93.01%** | **3754** | **99.40%** | **23** | **0.61%** |
| **11. Thành lập xã Tả Lèng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Giang Ma, Tả Lèng, Hồ Thầu** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Hồ Thầu | 689 | 669 | 97.10% | 669 | 97.10% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Giang Ma | 782 | 721 | 92.20% | 713 | 91.20% | 8 | 1% |
| 3 | Xã Tả Lèng | 907 | 715 | 78.80% | 678 | 74.80% | 37 | 4% |
| **Tổng** | **2378** | **2105** | **88.52%** | **2060** | **97.86%** | **45** | **2.10%** |

|  |
| --- |
| **12. Thành lập xã Khun Há trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bản Hon, Khun Há** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Khun Há | 1117 | 967 | 86.6% | 967 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Bản Hon | 595 | 541 | 90.9% | 541 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **1712** | **1508** | **88.08%** | **1508** | **100%** | **0** | **0%** |
| **13. Thành lập phường Tân Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã, phường: Tân Phong, Đông Phong, San Thàng của thành phố Lai Châu; các xã: Nùng Nàng, Bản Giang của huyện Tam Đường** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Bản Giang | 1640 | 1548 | 94.40% | 1534 | 93.50% | 14 | 0.90% |
| 2 | Xã Nùng Nàng | 686 | 654 | 95.30% | 569 | 82.9% | 85 | 12.40% |
| 3 | P. Tân Phong | 3290 | 3125 | 94.98% | 3123 | 99.94% | 2 | 0.06% |
| 4 | P. Đông Phong | 2192 | 2025 | 92.38% | 2023 | 99.90% | 2 | 0.10% |
| 5 | Xã San Thàng | 1298 | 1161 | 89.45% | 1147 | 98.79% | 14 | 1.21% |
| **Tổng** | **9106** | **8513** | **93.49%** | **8.396** | **98.63%** | **117** | **1.37%** |

**14. Thành lập phường Đoàn Kết trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lản Nhì Thàng của huyện Phong Thổ; các xã, phường: Sùng Phài, Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng của thành phố Lai Châu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Lản Nhì Thàng | 736 | 736 | 100% | 736 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Sùng Phải | 975 | 934 | 95.79% | 857 | 91.76% | 77 | 8.24% |
| 3 | P. Đoàn Kết | 1655 | 1563 | 94.44% | 1558 | 99.68% | 5 | 0.32% |
| 4 | P. Quyết Tiến | 1115 | 1115 | 100% | 1113 | 99.82% | 2 | 0.18% |
| 5 | P. Quyết Thắng | 551 | 532 | 96.55% | 511 | 96.05% | 21 | 3.95% |
| **Tổng** | **5032** | **4880** | **96.98%** | **4775** | **97.85%** | **105** | **2.15%** |
| **15.** **Thành lập xã Sin Suối Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Sin Suối Hồ, Nậm Xe của huyện Phong Thổ; xã Thèn Sin của huyện Tam Đường** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Sin Suối Hồ | 983 | 941 | 95.73% | 779 | 82.78% | 162 | 17.22% |
| 2 | Xã Nậm Xe | 1503 | 1322 | 87.96% | 1317 | 99.62% | 5 | 0.38% |
| 3 | Xã Thèn Sin | 738 | 719 | 97.40% | 719 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **3224** | **2982** | **92.49%** | **2815** | **94.40%** | **167** | **5.60%** |

**16. Thành lập xã Phong Thổ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Huổi Luông, Ma Li Pho, Mường So và thị trấn Phong Thổ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Huổi Luông | 1504 | 1242 | 82.58% | 1173 | 94.44% | 69 | 5.56% |
| 2 | Xã Ma Li Pho | 672 | 622 | 92.56% | 564 | 90.68% | 58 | 9.32% |
| 3 | Xã Mường So | 1568 | 1362 | 86.86% | 1303 | 95.67% | 59 | 4.33% |
| 4 | Thị trấn Phong Thổ | 1402 | 1378 | 98.29% | 1378 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **5146** | **4604** | **89.47%** | **4418** | **95.96%** | **186** | **4.04%** |
| **17. Thành lập xã Dào San trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Dào San, Tung Qua Lìn, Mù Sang** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Dào San | 1680 | 1638 | 97.50% | 1637 | 99.94% | 1 | 0.06% |
| 2 | Xã Tung Qua Lìn | 507 | 492 | 97.04% | 410 | 83.33% | 82 | 16.67% |
| 3 | Xã Mù Sang | 615 | 552 | 89.76% | 440 | 79.71% | 112 | 20.29% |
| **Tổng** | **2802** | **2682** | **95.72%** | **2487** | **92.73%** | **195** | **7.27%** |

|  |
| --- |
| **18. Thành lập xã Sì Lở Lầu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sử** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Sì Lở Lầu | 1233 | 995 | 80.70% | 989 | 99.40% | 6 | 0.60% |
| 2 | Xã Vàng Ma Chải | 717 | 672 | 93.72% | 641 | 95.39% | 31 | 4.61% |
| 3 | Xã Mồ Sì San | 566 | 424 | 74.91% | 420 | 99.06% | 4 | 0.94% |
| 4 | Xã Pa Vây Sử | 492 | 465 | 94.51% | 416 | 89.46% | 49 | 10.54% |
| **Tổng** | **3008** | **2556** | **84.97%** | **2466** | **96.48%** | **90** | **3.52%** |
| **19. Thành lập xã Khổng Lào trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Khổng Lào, Hoang Thèn, Bản Lang** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Khổng Lào | 874 | 874 | 100% | 874 | 100% | 0 | % |
| 2 | Xã Hoang Thèn | 830 | 719 | 86.63% | 681 | 94.71% | 34 | 47.3% |
| 3 | Xã Bản Lang | 1717 | 1599 | 93.13% | 1548 | 96.81% | 51 | 3.19% |
| **Tổng** | **3421** | **3192** | **93.31%** | **3103** | **97.21%** | **85** | **2.66%** |

**20. Thành lập xã Tủa Sín Chải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên,
quy mô dân số của các xã: Tủa Sín Chải, Làng Mô, Tả Ngảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Tủa Sín Chải | 1003 | 796 | 79.36% | 785 | 98.62% | 11 | 1.38% |
| 2 | Xã Làng Mô | 786 | 571 | 72.65% | 555 | 97.20% | 16 | 2.80% |
| 3 | Xã Tả Ngảo | 603 | 603 | 100% | 324 | 53.73% | 279 | 46.27% |
| **Tổng** | **2392** | **1970** | **82.36%** | **1664** | **84.47%** | **306** | **15.53%** |
| **21. Thành lập xã Sìn Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sà Dề Phìn, Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sìn Hồ** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Sà Dề Phìn | 471 | 414 | 87.90% | 390 | 94.20% | 24 | 5.80% |
| 2 | Xã Phăng Sô Lin | 577 | 517 | 89.60% | 517 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | Xã Tả Phìn | 661 | 661 | 100% | 661 | 100% | 0 | 0% |
| 4 | Thị trấn Sìn Hồ | 1002 | 909 | 90.72% | 909 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **2711** | **2501** | **92.25%** | **2477** | **99.04%** | **24** | **0.96%** |

**22. Thành lập xã Hồng Thu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hồng Thu, Phìn Hồ, Ma Quai**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Hồng Thu | 930 | 920 | 98.92% | 877 | 95.33% | 43 | 4.67% |
| 2 | Xã Phìn Hồ | 700 | 582 | 83.14% | 505 | 86.77% | 77 | 13.23% |
| 3 | Xã Ma Quai | 819 | 729 | 89.01% | 726 | 99.59% | 3 | 0.41% |
| **Tổng** | **2449** | **2231** | **91.10%** | **2108** | **94.49%** | **123** | **5.51%** |
| **23. Thành lập xã Nậm Tăm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Tăm, Lùng Thàng, Nậm Cha** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Nậm Tăm | 1209 | 973 | 80.48% | 973 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Lùng Thàng | 775 | 766 | 98.84% | 766 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | Xã Nậm Cha | 723 | 709 | 98.06% | 709 | 100% | 0 | 0% |
| **Tổng** | **2707** | **2448** | **90.43%** | **2448** | **100%** | **0** | **0%** |

|  |
| --- |
| **24. Thành lập xã Pu Sam Cáp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Noong Hẻo** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Pa Khóa | 500 | 478 | 95.60% | 478 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Pu Sam Cáp | 323 | 277 | 85.76% | 277 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | Xã Noong Hẻo | 1308 | 1144 | 87.46% | 1143 | 99.91% | 1 | 0.09% |
| **Tổng** | **2131** | **1899** | **89.11%** | **1898** | **99.95%** | **1** | **0.05%** |
| **25. Thành lập xã Nậm Cuổi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Cuổi, Nậm Hăn** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Nậm Cuổi | 906 | 812 | 89.62% | 812 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | Xã Nậm Hăn | 1225 | 1059 | 86.45% | 679 | 64.1 | 380 | 35.9 |
| **Tổng** | **2131** | **1871** | **87.80%** | **1491** | **79.69%** | **380** | **20.31%** |

|  |
| --- |
| **26. Thành lập xã Nậm Mạ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Căn Co, Nậm Mạ** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Nậm Mạ | 383 | 363 | 94.78% | 363 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Căn Co | 910 | 819 | 90.00% | 812 | 99.15% | 7 | 0.85% |
| **Tổng** | **1,293** | **1,182** | **91.42%** | **1,175** | 99.41% | **7** | **0.59%** |
| **27. Thành lập xã Pa Tần trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Ban, Trung Chải của huyện Nậm Nhùn; xã Pa Tần của huyện Sìn Hồ** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Nậm Ban | 500 | 478 | 95.60% | 478 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Trung Chải | 323 | 277 | 85.76% | 277 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 3 | Xã Pa Tần | 1050 | 919 | 87.52% | 877 | 95.43% | 42 | 4.57% |
| **Tổng** | **1,873** | **1,674** | **89.38%** | **1,632** | 97.49% | **42** | **2.51%** |
| **28. Thành lập xã Lê Lợi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Pì, Pú Đao, Lê Lợi của huyện Nậm Nhùn; xã Chăn Nưa của huyện Sìn Hồ** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Nậm Pì | 476 | 474 | 99.58% | 449 | 94.73% | 25 | 5.27% |
| 2 | Xã Pú Đao | 248 | 248 | 100.00% | 248 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 3 | Xã Lê Lợi | 338 | 332 | 98.22% | 327 | 98.49% | 5 | 1.51% |
| 4 | Xã Chăn Nưa | 747 | 589 | 78.85% | 567 | 96.26% | 22 | 3.74% |
| **Tổng** | **1,809** | **1,643** | **90.82%** | **1,591** | 96.84% | **52** | **3.16%** |
| **29. Thành lập xã Nậm Hàng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Hàng, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Thị trấn Nậm Nhùn | 794 | 727 | 91.56% | 727 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Nậm Hàng | 980 | 903 | 92.14% | 903 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 3 | Xã Nậm Manh | 560 | 526 | 93.93% | 520 | 98.86% | 6 | 1.14% |
| **Tổng** | **2,334** | **2,156** | **92.37%** | **2,150** | 99.72% | **6** | **0.28%** |
| **30. Thành lập xã Mường Mô trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Mô, Nậm Chà** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Mường Mô | 727 | 644 | 88.58% | 644 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Nậm Chà | 743 | 590 | 79.41% | 459 | 77.80% | 131 | 22.20% |
| **Tổng** | **1,470** | **1,234** | **83.95%** | **1,103** | 89.38% | **131** | **10.62%** |
| **31. Thành lập xã Hua Bum trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hua Bum của huyện Nậm Nhùn, xã Vàng San của huyện Mường Tè** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Hua Bum | 548 | 497 | 90.69% | 495 | 99.60% | 2 | 0.40% |
| 2 | Xã Vàng San | 654 | 654 | 100.00% | 646 | 98.78% | 8 | 1.22% |
| **Tổng** | **1,202** | **1,151** | **95.76%** | **1,141** | 99.13% | **10** | **0.87%** |
| **32. Thành lập xã Bum Nưa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bum Nưa, Pa Vệ Sủ** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Bum Nưa | 805 | 805 | 100.00% | 805 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Pa Vệ Sủ | 826 | 826 | 100.00% | 824 | 99.76% | 2 | 0.24% |
| **Tổng** | **1,631** | **1,631** | **100.00%** | **1,629** | 99.88% | **2** | **0.12%** |
| **33. Thành lập xã Bum Tở trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Can Hồ, xã Bum Tở và Thị trấn Mường Tè** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Can Hồ | 494 | 481 | 97.36% | 481 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Bum Tở | 855 | 855 | 100.00% | 855 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 3 | Thị trấn | 1,478 | 1,439 | 97.36% | 1,439 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| **Tổng** | **2,827** | **2,775** | **98.16%** | **2,775** | 100.00% | **0** | **0.00%** |
| **34. Thành lập xã Mường Tè trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Tè và xã Nậm Khao** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Mường Tè | 940 | 907 | 96.49% | 816 | 89.97% | 91 | 10.03% |
| 2 | Xã Nậm Khao | 444 | 444 | 100.00% | 439 | 98.87% | 5 | 1.13% |
| **Tổng** | **1,384** | **1,351** | **97.62%** | **1,255** | **92.89%** | **96** | **7.11%** |
| **35**. **Thành lập xã Thu Lũm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thu Lũm và xã Ka Lăng** |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Thu Lum | 543 | 497 | 91.53% | 444 | 89.34% | 53 | 10.66% |
| 2 | Xã Ka Lăng | 595 | 565 | 94.96% | 549 | 97.17% | 16 | 2.83% |
| **Tổng** | **1,138** | **1,062** | **93.32%** | **993** | **93.50%** | **69** | **6.50%** |

**36. Thành lập xã Pa Ủ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Pa Ủ và xã Tá Bạ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng cử tri** | **Kết quả lấy ý kiến** |
| Số lượng cử tri trên địa bàn | Số cử tri lấy ý kiến | Tỷ lệ | Số cử tri đồng ý | Tỷ lệ | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | Xã Pa Ủ | 917 | 863 | 94.11% | 863 | 100.00% | 0 | 0.00% |
| 2 | Xã Tá Bạ | 444 | 444 | 100.00% | 419 | 94.37% | 25 | 5.63% |
| **Tổng** | **1,361** | **1,307** | **96.03%** | **1,282** | **98.09%** | **25** | **1.91%** |

**II. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HĐND CÁC CẤP CỦA TỈNH LAI CHÂU**

**1. Kết quả biểu của của HDDND tỉnh Lai Châu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND tỉnh Lai Châu | 48 | 44 | 91,66% | 44 | 91,66% | 0 | 0% |

**2. Kết quả biểu quyết của HĐND cấp huyện**

| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND huyện Than Uyên | 28 | 27 | 96,4% | 27 | 96,4% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND huyện Tân Uyên | 27 | 25 | 92,59% | 25 | 92,59% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND huyện Tam Đường | 31 | 25 | 80,6% | 25 | 80,6% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND thành phố Lai Châu | 28 | 27 | 96,43% | 27 | 96,43 | 0 | 0% |
| 5 | HĐND huyện Phong Thổ | 30 | 29 | 96,67% | 29 | 96,67% | 0 | 0% |
| 6 | HĐND huyện Sìn Hồ | 34 | 30 | 88,2% | 30 | 88,2% | 0 | 0% |
| 7 | HĐND huyện Nậm Nhùn | 25 | 23 | 92% | 23 | 92% | 0 | 0% |
| 8 | HĐND huyện Mường Tè | 29 | 27 | 93,10% | 27 | 93,10% | 0 | 0% |

**3. Kết quả biểu quyết của HĐND cấp xã**

**3.1. Thành lập xã Mường Kim trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Kim, Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Mường Kim | 26 | 26 | 100% | 26 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Tà Mung  | 19 | 18 | 94,74% | 18 | 94,74% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Tà Hừa | 17 | 14 | 82,35% | 14 | 82,35% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND xã Pha Mu | 10 | 9 | 90% | 9 | 90% | 0 | 0% |

**3.2. Thành lập xã Khoen On trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ta Gia, Khoen On**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Khoen On | 15 | 14 | 93,3% | 14 | 93,3% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Ta Gia | 21 | 19 | 90,47% | 19 | 90,47% | 0 | 0% |

**3.3.** **Thành lập xã Than Uyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang, thị trấn Than Uyên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Mường Cang | 21 | 21 | 100% | 21 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Hua Nà | 19 | 19 | 100% | 19 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND thị trấn | 22 | 22 | 100% | 22 | 100% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND xã Mường Than | 24 | 22 | 91,7% | 22 | 91,7% | 0 | 0% |

**3.4. Thành lập xã Mường Than trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Phúc Than, Mường Mít**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Mường Mít | 16 | 14 | 87,5% | 14 | 87,5% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Phúc Than | 23 | 17 | 73,9% | 17 | 73,9% | 0 | 0% |

**3.5. Thành lập xã Pắc Ta trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pắc Ta, Hố Mít**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Pắc Ta | 21 | 19 | 90,48% | 19 | 90,48% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Hố Mít | 19 | 15 | 78,95% | 15 | 78,95% | 0 | 0% |

**3.6. Thành lập xã Nậm Sỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Sỏ, Tà Mít**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Nậm Sỏ | 20 | 17 | 85,00% | 17 | 85,00% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Tà Mít | 11 | 10 | 90,91% | 10 | 90,91% | 0 | 0% |

**3.7. Thành lập xã Tân Uyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cần và thị trấn Tân Uyên**

| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND thị trấn Tân Uyên | 28 | 25 | 89,29% | 25 | 89,29% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Trung Đồng | 22 | 21 | 95,45% | 21 | 95,45% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Thân Thuộc | 19 | 18 | 94,74% | 18 | 94,74% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND xã Nậm Cần | 15 | 13 | 86,67% | 13 | 86,67% | 0 | 0% |

**3.8. Thành lập xã Mường Khoa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Khoa, Phúc Khoa**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Mường Khoa | 21 | 20 | 95,24% | 20 | 95,24% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Phúc Khoa | 21 | 18 | 85,71% | 18 | 85,71% | 0 | 0% |

**3.9. Thành lập xã Bản Bo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bản Bo, Nà Tăm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Bản Bo | 20 | 19 | 95% | 19 | 95% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nà Tăm | 18 | 16 | 88,9% | 16 | 88,9% | 0 | 0% |

**3.10. Thành lập xã Bình Lư trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sơn Bình, Bình Lư, thị trấn Tam Đường**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Bình Lư | 19 | 19 | 100% | 19 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Sơn Bình | 20 | 16 | 80% | 16 | 80% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND thị trấn Tam Đường | 19 | 17 | 89,5% | 17 | 89,5% | 0 | 0% |

**3.11. Thành lập xã Tả Lèng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Giang Ma, Tả Lèng, Hồ Thầu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Tả Lèng | 20 | 18 | 90% | 18 | 90% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Giang Ma | 18 | 17 | 94,4% | 17 | 94,4% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Hồ Thầu | 19 | 19 | 100% | 19 | 100% | 0 | 0% |

**3.12. Thành lập xã Khun Há trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bản Hon, Khun Há**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Bản Hon | 18 | 17 | 100% | 17 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Khun Há | 17 | 17 | 100% | 17 | 100% | 0 | 0% |

**3.13. Thành lập phường Tân Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã, phường: Tân Phong, Đông Phong, San Thàng của thành phố Lai Châu; các xã: Nùng Nàng, Bản Giang của huyện Tam Đường**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Nùng Nàng | 16 | 15 | 93,75% | 15 | 93,75% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Bản Giang | 17 | 17 | 100% | 17 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND phường Tân Phong | 17 | 16 | 94,12% | 16 | 94,12% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND phường Đông Phong | 20 | 19 | 95% | 19 | 95% | 0 | 0% |
| 5 | HĐND xã San Thàng | 20 | 20 | 100% | 20 | 100% | 0 | 0% |

**3.14. Thành lập phường Đoàn Kết trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lản Nhì Thàng của huyện Phong Thổ; các xã, phường: Sùng Phài, Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng của thành phố Lai Châu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Lản Nhì Thàng | 19 | 19 | 100% | 19 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Sùng Phài | 21 | 19 | 90,48% | 19 | 90,48% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND phường Đoàn Kết | 20 | 19 | 95% | 19 | 95% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND phường Quyết Tiến | 18 | 17 | 94,44% | 17 | 94,44% | 0 | 0% |
| 5 | HĐND phường Quyết Thắng | 18 | 18 | 100% | 18 | 100% | 0 | 0% |

**3.15.** **Thành lập xã Sin Suối Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Sin Suối Hồ, Nậm Xe của huyện Phong Thổ; xã Thèn Sin của huyện Tam Đường**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ (%) | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ (%) |
| 1 | HĐND xã Sin Suối Hồ | 19 | 16 | 84,21% | 16 | 84,21% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Xe | 22 | 19 | 86,36% | 19 | 86,36% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Thèn Sin | 21 | 19 | 90,5% | 19 | 100% | 0 | 0% |

**3.16. Thành lập xã Phong Thổ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Huổi Luông, Ma Li Pho, Mường So và thị trấn Phong Thổ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Huổi Luông | 24 | 24 | 100% | 24 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Ma Li Pho | 18 | 18 | 100% | 18 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Mường So | 21 | 18 | 85,71% | 18 | 85,71% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND Thị trấn Phong Thổ | 19 | 19 | 100% | 19 | 100% | 0 | 0% |

**3.17. Thành lập xã Dào San trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Dào San, Tung Qua Lìn, Mù Sang**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Dào San | 23 | 23 | 100% | 23 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Tung Qua Lìn | 18 | 18 | 100% | 18 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Mù Sang | 18 | 18 | 100% | 18 | 100% | 0 | 0% |

**3.18. Thành lập xã Sì Lở Lầu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu, Mồ Sì San, Pa Vây Sử**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Vàng Ma Chải | 18 | 15 | 83,33% | 15 | 83,33% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Sì Lở Lầu | 17 | 16 | 94,12% | 16 | 94,12% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Mồ Sì San | 17 | 15 | 88,24% | 15 | 88,24% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND xã Pa Vây Sử | 16 | 16 | 100% | 16 | 100% | 0 | 0% |

**3.19. Thành lập xã Khổng Lào trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Khổng Lào, Hoang Thèn, Bản Lang**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Khổng Lào | 21 | 21 | 100% | 21 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Hoang Thèn | 20 | 18 | 90% | 18 | 90% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Bản Lang | 21 | 21 | 100% | 21 | 100% | 0 | 0% |

**3.20. Thành lập xã Tủa Sín Chải trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Tủa Sín Chải, Làng Mô, Tả Ngảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Tủa Sín Chải | 20 | 18 | 90% | 18 | 90% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Làng Mô | 19 | 18 | 94,74% | 18 | 94,74% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Tả Ngảo | 21 | 18 | 85,71% | 15 | 71,43% | 3 | 14,28% |

**3.21. Thành lập xã Sìn Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Sà Dề Phìn, Phăng Sô Lin, Tả Phìn và thị trấn Sìn Hồ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND Thị trấn Sìn Hồ | 20 | 16 | 80% | 16 | 80% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Phăng Sô Lin | 18 | 15 | 83,3% | 15 | 83,3% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Tả Phìn | 20 | 18 | 90% | 18 | 90% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND xã Sà Dề Phìn | 15 | 14 | 93,3% | 11 | 73,33% | 3 | 20% |

**3.22. Thành lập xã Hồng Thu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Hồng Thu, Phìn Hồ, Ma Quai**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Hồng Thu | 21 | 20 | 95,2% | 20 | 95,2% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Phìn Hồ | 21 | 20 | 95,2% | 20 | 95,2% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Ma Quai | 21 | 19 | 90,5% | 19 | 90,5% | 0 | 0% |

**3.23. Thành lập xã Nậm Tăm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Tăm, Lùng Thàng, Nậm Cha**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Nậm Tăm | 21 | 19 | 90,5% | 19 | 90,5% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Lùng Thàng | 21 | 21 | 100% | 21 | 100% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Nậm Cha | 19 | 16 | 84,2% | 16 | 84,2% | 0 | 0% |

**3.24 Thành lập xã Pu Sam Cáp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Noong Hẻo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Pa Khoá | 18 | 15 | 83,3% | 15 | 83,3% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Noong Hẻo | 21 | 19 | 95% | 19 | 95% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Pu Sam Cáp | 14 | 14 | 100% | 14 | 100% | 0 | 0% |

**3.25. Thành lập xã Nậm Cuổi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Cuổi, Nậm Hăn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Nậm Cuổi | 19 | 17 | 89,5% | 17 | 89,5% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Hăn | 21 | 19 | 90,5% | 19 | 90,5% | 0 | 0% |

**3.26. Thành lập xã Nậm Mạ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Căn Co, Nậm Mạ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Nậm Mạ | 13 | 12 | 92,3% | 12 | 92,3% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Căn Co | 21 | 18 | 85,7% | 18 | 85,7% | 0 | 0% |

**3.27. Thành lập xã Pa Tần trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Ban, Trung Chải của huyện Nậm Nhùn; xã Pa Tần của huyện Sìn Hồ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Pa Tần | 18 | 18 | 100% | 18 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Ban | 15 | 12 | 80% | 12 | 80% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Trung Chải | 13 | 11 | 84,6% | 11 | 84,6% | 0 | 0% |

**3.28. Thành lập xã Lê Lợi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Pì, Pú Đao, Lê Lợi của huyện Nậm Nhùn; xã Chăn Nưa của huyện Sìn Hồ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Chăn Nưa | 17 | 16 | 94,1% | 16 | 94,1% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Pì | 18 | 16 | 88,9% | 16 | 88,9% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Pú Đao | 12 | 10 | 83,3% | 10 | 83,3% | 0 | 0% |
| 4 | HĐND xã Lê Lợi | 14 | 12 | 85,7% | 12 | 85,7% | 0 | 0% |

**3.29. Thành lập xã Nậm Hàng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Nậm Hàng, Nậm Manh và thị trấn Nậm Nhùn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Nậm Hàng | 20 | 18 | 90% | 18 | 90% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Manh | 15 | 11 | 73,3% | 11 | 73,3% | 0 | 0% |
| 3 | Thị trấn Nậm Nhùn | 15 | 15 | 100% | 15 | 100% | 0 | 0% |

**3.30. Thành lập xã Mường Mô trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Mường Mô, Nậm Chà**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Mường Mô | 18 | 18 | 100% | 18 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Chà | 18 | 16 | 88,9% | 16 | 88,9% | 0 | 0% |

**3.31. Thành lập xã Hua Bum trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hua Bum của huyện Nậm Nhùn, xã Vàng San của huyện Mường Tè**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Hua Bum | 18 | 15 | 83,3% | 15 | 83,3% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Vàng San | 18 | 17 | 94,44% | 17 | 94,44% | 0 | 0% |

**3.32. Thành lập xã Bum Nưa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Bum Nưa, Pa Vệ Sủ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Bum Nưa | 21 | 21 | 100% | 21 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Pa Vệ Sủ | 17 | 17 | 100% | 17 | 100% | 0 | 0% |

**3.33. Thành lập xã Bum Tở trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Can Hồ, xã Bum Tở và Thị trấn Mường Tè**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND thị trấn Mường Tè | 22 | 22 | 100% | 22 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Bum Tở | 18 | 15 | 83,33% | 15 | 83,33% | 0 | 0% |
| 3 | HĐND xã Can Hồ | 15 | 14 | 93,33% | 14 | 93,33% | 0 | 0% |

**3.34.** **Thành lập xã Mường Tè trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Mường Tè và xã Nậm Khao**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ĐVHC | Số lượng Đại biểu HĐND | Kết quả biểu quyết |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Mường Tè | 18 | 16 | 88,88% | 16 | 88,88% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Nậm Khao | 13 | 13 | 100% | 13 | 100% | 0 | 0% |

**3.35**. **Thành lập xã Thu Lũm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thu Lũm và xã Ka Lăng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Thu Lũm | 18 | 15 | 83,33% | 15 | 83,33% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Ka Lăng | 19 | 17 | 89,47% | 17 | 89,47% | 0 | 0% |

**3.36.** **Thành lập xã Pa Ủ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Pa Ủ và xã Tá Bạ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐVHC** | **Số lượng Đại biểu HĐND** | **Kết quả biểu quyết** |
| Tổng số Đại biểu HĐND | Số Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Tỷ lệ Đại biểu HĐND tham dự kỳ họp | Số Đại biểu HĐND đồng ý  | Tỷ lệ | Số Đại biểu HĐND không đồng ý | Tỷ lệ |
| 1 | HĐND xã Pa Ủ | 17 | 17 | 100% | 17 | 100% | 0 | 0% |
| 2 | HĐND xã Tá Bạ | 16 | 16 | 100% | 16 | 100% | 0 | 0% |

**III. KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ**

Sau khi xem xét đề nghị của UBND tỉnh Lai Châu và của Bộ Nội vụ, Chính phủ đã biểu quyết (bằng phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ) về hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025. Căn cứ kết quả biểu quyết của Thành viên Chính phủ, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 05/5/2025 và giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình, Đề án của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lai Châu.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của HĐND các cấp; kết quả lấy ý kiến Thành viên Chính phủ về hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu./.

 **CHÍNH PHỦ**